

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

ẨN DỤ VỀ CON NGƯỜI TRONG CA DAO VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HOÁ

METAPHOR ON HUMAN BEINGS IN VIETNAMESE FOLK
FROM CULTURAL PERSPECTIVE

TRẦN THỊ MINH THU
(ThS-NCS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: This essay is going to analyse Vietnamese folk from cultural perspective, in order to unearth the metaphor on human beings and workforces. To discover the labour forces' emotions implied in Vietnamese folk, we can perceive the beauty of sophistication and witting in their souls, thoughts and emotions, which all have been conveyed discreetly through the usage of metaphor with Vietnamese culture deeply imbued with national identity.

Key words: metaphor; folk-songs; language and culture.

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu âm thanh đặc biệt, là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của các thành viên trong một cộng đồng người; ngôn ngữ đồng thời cũng là phương tiện phát triển tư duy, truyền đạt truyền thống văn hóa - lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác [5; 10]. Từ định nghĩa trên, chúng ta không chỉ nhận ra được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong đời sống của con người mà bên cạnh đó, chúng ta còn nhận ra được mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa - một “*mối quan hệ biện chứng lẫn nhau*” [5; 86]. Nghiên cứu ngôn ngữ nói chung dưới góc độ văn hóa đã trở nên phổ biến trong giới ngôn ngữ học hiện nay, hướng tiếp cận ngôn ngữ - văn hóa không chỉ có ý nghĩa về mặt nghiên cứu, khoa học mà nó còn đem lại nhiều giá trị về mặt nhận thức, thực tiễn.

Ca dao là một trong những thể loại tiêu biểu của văn học dân gian Việt Nam. *Ca dao là những bài văn vần do nhân dân sáng tác tập thể, được lưu truyền bằng miệng và được phổ biến rộng rãi trong nhân dân* [8; 20]. Những bài ca dao với những vần điệu trữ tình, đầm ấm không biết tự bao giờ đã đi vào đời sống văn

hóa - tinh thần của người dân Việt Nam như một món ăn thanh tao nhưng đậm đà hương vị; nó không chỉ tái hiện trước mắt người đọc những danh lam thắng cảnh, những bức tranh làng quê bình dị của đất nước Việt Nam với bao cảnh vật nên thơ mà đó còn là những khúc hát tâm tình nhẹ nhàng mà sâu lắng, da diết của những người dân lao động hiền lành, chất phác. Ca dao được ví như một chuyến đò ân tình chuyên chở biết bao tình cảm của người dân Việt từ xưa đến nay; và nó cũng chuyên chở trên những vãn thơ trữ tình ấy bao nét tinh hoa của văn hóa Việt Nam.

Vén mở tâm tình của người dân lao động qua những vãn ca dao, chúng ta thấy được cái ý nhị, tinh tế trong tâm hồn, trong suy nghĩ, tình cảm của ông bà ta đã gửi gắm kín đáo qua những ẩn dụ, biểu tượng mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt. Qua khảo sát như vậy sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những đặc trưng của văn hóa trong đời sống sinh hoạt của người Việt. Đó là lí do chúng tôi chọn đề tài “*Ẩn dụ về con người trong ca dao Việt Nam dưới góc độ văn hóa*”.

2. Khảo sát ẩn dụ về con người trong ca dao dưới góc nhìn văn hoá

Ẩn dụ là phương thức tu từ được sử dụng rất phổ biến trong ngôn ngữ nói chung, đặc biệt là trong ngôn ngữ nghệ thuật - các tác phẩm văn chương nói riêng. Với bản chất giàu tính hình tượng và hàm súc, ẩn dụ làm cho ngôn ngữ trong văn, thơ trở nên bóng bẩy, trau chuốt, chứa đựng nhiều tầng nghĩa tinh tế, đẹp và gợi cảm hơn. Trong công trình *Phong cách học và các phong cách chức năng* tiếng Việt, tác giả Hữu Đạt đã định nghĩa “*Ẩn dụ là kiểu so sánh không nói thẳng ra...thực chất của phép ẩn dụ chính là việc dùng tên gọi này để biểu hiện sự vật khác dựa trên cơ chế tư duy và ngôn ngữ dân tộc*”. Ở đây, tác giả nhấn mạnh việc đặt ẩn dụ trong mối tương quan chặt chẽ giữa ngôn ngữ với bối cảnh văn hóa, truyền thống dân tộc. Nếu như không am hiểu về văn hóa Việt Nam với những đặc trưng tiêu biểu của nền văn hóa nông nghiệp, văn minh lúa nước thì ắt hẳn sẽ không thể hiểu được:

Bây giờ mận mới hỏi đào/ Vườn hồng đã có ai vào hay chưa/ Mận hỏi thì đào xin thưa/ Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Hôm nay lan huệ sánh bà/ Đào đông ướm hỏi liễu tây một lời/ Lạ lừng ướm hỏi nhau chơi/ Một mai cá nước chìm trời gặp nhau.

Những mận, đào, lan, huệ, đào đông, liễu tây, cá nước, chìm trời...là những hình ảnh rất quen thuộc của làng quê Việt Nam, và ấy cũng chính là những hình ảnh ẩn dụ - những biểu tượng - mộc mạc giản dị mà rất đời gần gũi, thân thương cho những người lao động bình dân – những con người suốt ngày “chân lấm tay bùn” nhưng tâm hồn thanh tao và có một đời sống tinh cảm phong phú, sâu nặng nghĩa tình.

(i) Biểu tượng “HOA”

Trong công trình *Người phụ nữ qua những hình ảnh so sánh trong ca dao Việt Nam* của Lưu Thị Nụ (1992), tác giả đã đưa ra kết luận sau khi khảo sát 3506 lời ca dao là trong bốn hình ảnh thường được ví với người phụ nữ: “hoa”, “chim”, “cây”, “quả” thì “hoa” xuất hiện với tần số nhiều nhất. Ví dụ: *Hoa thơm trông*

*dựa cành rào/ Gió nam, gió chướng, gió nào cũng thơm; Hoa kia tươi tốt rườm rà/ Tuy rằng tươi tốt, khi mà ong chiêm. Có thể nhận định rằng “hoa” là một biểu tượng nổi bật trong ca dao Việt Nam. Chúng ta bắt gặp nhiều hình ảnh ẩn dụ tinh tế như *hoa sen*, *hoa dâm bụt*, *hoa hồi*, *hoa bèo*, *hoa cúc*.. trong ca dao. Ví dụ:*

Hôm nay lan huệ sánh bà/ Đào đông ướm hỏi liễu tây một lời.

Hoa sen mọc bãi cát lằm/ Tuy rằng lằm lạp vẫn mắm hoa sen.

Trong đó, đáng chú ý là hoa nhài (hoa lài). Trong thế giới tự nhiên cũng như trong ca dao dân gian, hoa nhài không phải là loài hoa chiếm ngôi vị “nữ hoàng”, đó không phải là loài hoa hương sắc nhất, càng không phải loài hoa kiêu sa, đài các như hoa hồng thế nhưng trong cái ngôi bậc “kiêm nhường” ấy của mình, hoa nhài lại càng khẳng định cái “duyên ngầm” đáng yêu của mình. Trong ca dao, hoa nhài thường được ví với nụ cười duyên dáng, đáng yêu của người con gái (*Miệng em cười như cánh hoa nhài; Miệng cười như cánh hoa nhài nở nang*), “vẻ đẹp lâu bền, khó phai” bên trong tựa như tâm hồn của những cô thôn nữ chốn làng quê Việt: *Hoa lí có tài, hoa lài có duyên; Thoang thoang hoa nhài mà lại thơm lâu; Anh đừng tham bông quế, bỏ phế cái bông lài/ Mai sau quế rụng, bông lài thơm xa; “Thoang thoang hoa nhài mà lại thơm lâu”.*

Cũng có khi tác giả dân gian mượn “hoa” để châm biếm nhẹ nhàng: *Có đỏ mà chẳng có thơm/ Như hoa dâm bụt, nên com cháo gì!*

(ii) Biểu tượng “CON VẬT”

Con cò: Trong ca dao Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến hình ảnh con cò: *con cò lặn lội bờ ao; con cò bay lả bay la; con cò trắng bạch như vôi; con cò bay bổng bay cao; con cò kìa; con cò quăm...; cái cò lặn lội bờ sông*. Không phải ngẫu nhiên mà nhân dân lao động lại hay nhắc đến con cò như vậy. Như Vũ Ngọc Phan từng nhận định trong *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*: Trong các loài kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gần nhiều người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái,

người nông dân Việt Nam thường thấy trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rĩa lông rĩa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng. Ví dụ: *Một đàn cò trắng bay tung/ Đôi bên nam nữ, ta cùng hát lên!...*

Trong khi lao động vất vả, thấy đàn cò trắng cùng nhau sum họp, người nông dân lại cất lên những câu ca dao trữ tình, thắm thiết: *Một đàn cò trắng bay quanh/ Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta/ Mình nhớ ta như cà nhớ muối/ Ta nhớ mình như Cuối nhớ trắng.*

Sự đoàn tụ của đàn cò là hình ảnh ẩn dụ cho niềm mong ước được gần gũi và tâm tình với nhau của những người lao động chất phác, hiền lành. Trong con mắt của người lao động thời xưa, con cò và những con chim đồng loại với nó như con bồ nông, con hạc, con vạc có tình bạn thắm thiết với nhau, chúng túm tụm sum họp với nhau đều có sự gần gũi với cảnh tình của người nông dân. Số phận “con cò lặn lội bờ sông” cũng tựa như số phận những con người lao động ngày đêm vất vả lao động để làm ra hạt thóc hạt gạo thể nhưng lại hẩm hiu, bèo bọt: *Nước non lận đận một mình/ Thân cò lên thác, xuống ghềnh bấy nay.* Hình ảnh “con cò” chính là hình ảnh những người nông dân Việt Nam cần cù, chăm chỉ, chất phác, kiên cường, luôn bền bỉ nhẫn nại cả trong lao động sản xuất lẫn trong đấu tranh chống những thế lực đàn áp mình: *Ai làm cho bể kia đầy/ Cho ao kia cạn, cho gầy cò con/ Cái cò là cái cò con/ Mẹ đi xúc tép, để con ở nhà.*

Trong xã hội phong kiến Việt Nam, ngoài nghề nông, người dân còn làm nghề buôn, nghề thủ công. Không kể người dân ở bất kì ngành nghề gì, bọn giai cấp thống trị tham lam, độc ác, chúng không vơ vét, bóc lột tận xương những người dân khốn khổ: *Cái cò cái vạc cái nông/ Ba cái cùng béo, vật lông cái nào!/ Vật lông cái vạc cho tao!/ Hành, răm, nước mắm bỏ vào mà thuôn.*

Chúng sẵn sàng bóc lột, tra tấn thậm chí là giết chóc nhân tâm có khi chỉ vì một lí do cùn con: *Cái cò cái vạc cái nông/ Sao mày dẫm lúa nhà ông, hỡi cò?/ Không không tôi đức trên bờ/ Mẹ con các diệp đồ ngờ cho tôi!*

Cũng có khi, hình ảnh “con cò” được dùng cho những kẻ xấu như những kẻ hay ăn quà như “con cò ki”; những kẻ hay đánh vợ như “con cò quăm”: *Cái cò là cái cò quăm/ Mày hay đánh vợ, mày nằm với ai?/(...)Cò đánh thì đánh sớm mai/ Chớ đánh chập tối, chẳng ai cho nằm!*

Con bóng (cái bóng, cá bóng): là hình ảnh tiêu biểu thường xuyên xuất hiện trong ca dao Việt Nam. Theo Vũ Ngọc Phan, đối với người Việt, nếu như con cò có thể là hình ảnh nói chung của người dân lao động, có thể là nam hoặc nữ; thì cái bóng hay con bóng là biểu tượng đặc trưng cho người thiếu nữ hay thiếu phụ. Ví dụ: *Cái bóng công chồng đi chơi/ Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng./ Chủ lái ơi, cho tôi mượn cổ gầu sông/ Tôi tát nước cạn cho chồng tôi lên.*

Các con vật khác: các con như con nhện, con tằm, con tép, con tôm, con tép, con cua, con cóc, con gà, con rùa, con tò vò, con cá, con chim, ong, bướm, loan phượng... dùng để ví với người dân lao động thời xưa. Ví dụ:

Lươn ngắn lại chê trạch dài/ Thờn bon méo miệng, chê trai lệch mồm.

Xa xôi dịch lại cho gần/ Làm thân con nhện mấy lần vương tơ/ Chuồn chuồn mắc phải tơ vương/ Nào ai quán quýt thì thương cho cùng.

(iii) Biểu tượng “CÂY”

Cây trúc, cây mai: Hình ảnh trúc, mai là những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt và cũng xuất hiện rất nhiều lần trong ca dao. Được mượn để nói về con người. Ví dụ: *Em vin cành trúc, em tựa cành mai/ Đông đào tây liễu biết ai bạn cùng.*

Trong ca dao, khi trúc đứng một mình, thường đó là biểu tượng cho người con gái xinh đẹp, thướt tha, duyên dáng: *Trúc xinh trúc mọc bờ ao/ Em xinh em đứng nơi nào cũng xinh*

Hình ảnh trúc mai quán quýt bên nhau chính là ẩn dụ cho tình cảm đôi lứa thắm thiết, mặn nồng của người dân lao động: *Hôm qua sum họp trúc mai/ Tình chung một khắc, nghĩa dài trăm năm.*

Mượn hình ảnh trúc mai, tác giả dân gian khéo léo lột tả nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm của những đôi lứa yêu nhau: Có khi đó là lời nhắn nhủ, niềm hi vọng (*Đợi chờ trúc ở với mai/ Đợi*

chờ anh ở với ai chưa chồng); Cũng có khi đó là tâm trạng vui mừng, hân hoan (*Trầu này trúc, cúc, mai, đào*,/ *Trầu này thực nữ anh hào sánh đôi*); Có khi nó thể hiện ước mơ sum họp của tình yêu (*Bao giờ sum họp trúc mai/ Lòng nguyện kết tóc lâu dài trăm năm*); Là tâm tình gửi gắm (*Tìm nơi trúc tốt mai xanh/ Tìm nơi bóng cả lấm ngành dựa nương*); Cũng có khi mai trúc tượng trưng cho nỗi buồn của con người (*Gió đưa cây trúc ngã quỵ/ Ba năm trực tiết, còn gì là xuân!*); Cũng có khi đó là những lời trách móc, giận hờn nhau (*Những lá lên miếu xuống nghề/ Để tôi đánh trúc, đánh tre về trồng*). Có thể thấy, hình ảnh *trúc, mai* trong ca dao Việt Nam thường được dùng để ví với đôi bạn trẻ, cho tình yêu lứa đôi. Mượn hình ảnh *trúc, mai*, người dân xưa đã khéo léo nói lên tâm trạng của chính mình một cách tinh tế, ý nhị.

Các loại cây khác: Các cây như *quế, hương, mận, đào, cây đa, cây tùng, cây xoan đào, cây liễu, chanh, cam, lê lựu, gừng, bông, cau trầu*,... tượng trưng cho người dân lao động. Ví dụ:

Hai bên bên liễu bên đào/ Mặc tình ý bạn thương bên nào thì thương.

Bao giờ cho chuối có cành/ Cho sung có nụ cho cành có hoa.

Vên vên cũng, dành dành cũng cũng/ Mù u tròn, trái nhãn cũng tròn.

(iii) Một số biểu tượng khác

Trong ca dao, chúng ta còn bắt gặp rất nhiều hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam được các tác giả dân gian sử dụng rất khéo và tinh tế để tượng trưng cho người dân lao động, để gửi gắm những tâm tư, tình cảm thầm kín của họ vào những câu ca dao mượt mà, đầm thắm, trữ tình. Đó là hình ảnh thuyền bến, bờ sông; hình ảnh của mây, núi, gió, trăng; hình ảnh rất mộc mạc của hạt gạo, nước cà, bát sứ, bát đân, của gối chăn, gương lược; hình ảnh của giếng nước, mảnh chĩnh, cái chuông; hình ảnh cây đa, con đò; v.v. Ví dụ:

Em thương ai nấp bụi nấp bờ/ Sớm trông đò ngược, tối chờ đò xuôi/ Thuyền anh đậu bến lâu rồi.

Vì chuôm cho cá bén đặng/ Vì tình nên phải đi trăng về mờ.

Tiệc thay hột gạo tám xoan/ Thối nôi đồng điều lại chan nước cà.

Tiệc thay cái giếng nước trong/ Để cho bè tắm, bè ong lọt vào.

Khen ai khéo đúc chuông chì/ Dáng thì có dáng, đánh thì không kêu.

Trăm năm đành lỗi hẹn hò/ Cây đa bến cũ con đò khác đưa

3. Kết luận

Các dao Việt Nam đã mượn những hình ảnh gần gũi, quen thuộc của cuộc sống làng quê (cây cỏ, hoa lá, con vật, các vật dụng thường ngày) để nói về con người từ hình thức bên ngoài đến những nỗi niềm thầm kín bên trong. Điều này thể hiện rõ nét văn hóa tinh tế trong đời sống tinh thần của người dân Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2004), *Văn học Việt Nam văn học dân gian những tác phẩm chọn lọc (Tái bản lần thứ tư)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
2. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2003), *Văn học Việt Nam văn học dân gian những công trình nghiên cứu (Tái bản lần thứ tư)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Trọng Lạc (chủ biên) (2006), *Phong cách học tiếng Việt (Tái bản lần thứ sáu)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
4. Mã Giang Lân (tuyển chọn và giới thiệu) (2009), *Tục ngữ ca dao Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
6. Nhiều tác giả (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt (Tái bản lần thứ tư)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam (Tái bản lần thứ hai)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Ngọc Phan (2007), *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam (Tái bản lần thứ mười lăm có sửa chữa và bổ sung)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
1. <http://www.vanhoahoc.edu.vn/content/view/1607/37/>: Phan Mậu Cảnh
2. www.thivien.net
3. www.google.com
4. www.wikipedia.com: ca dao dân ca Việt Nam